

CHƯƠNG TRÌNH HỌP

Toàn thể CC, VC Chi cục Kiểm lâm ngày 15/7/2025; bắt đầu lúc 9g

1. Tuyên bố lý do (05 phút)	Chi cục trưởng
2. Giới thiệu, làm quen lẫn nhau; Lồng ghép thông báo, triển khai các QĐ của cơ quan cấp có thẩm quyền về tổ chức bộ máy, lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo phụ trách Chi cục (10 phút)	Toàn thể CC, VC
3. Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp những tháng cuối năm (15 phút)	Phước Thành, Phó CCT
4. Thảo luận (60 phút)	Chủ trì: Lãnh đạo CC, Trưởng phòng, Hạt trưởng.
<i>a. Công tác tổ chức bộ máy bên trong của Chi cục: nội dung, các mốc thời gian cần đạt được. Cụ thể:</i>	
➤ Chức năng nhiệm vụ phòng/hạt; Ban QL trông rừng	
➤ Bổ nhiệm công chức, viên chức quản lý bộ máy	
➤ Các nội quy, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ	
➤ Các quy chế phối hợp bên ngoài cơ quan cần được cập nhật.	
➤ Tình hình xử lý văn bản trên Văn phòng điện tử; nhóm zalo	
<i>b. Việc sắp xếp trụ sở làm việc các Hạt, Chi cục; Cách thức thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện chưa có trụ sở, chưa được di dời (10 phút)</i>	Lãnh đạo Chi cục
<i>c. Phá biểu của các Trưởng phòng, Hạt trưởng, Ban QLDA trông rừng (30 phút)</i>	Lãnh đạo phòng, Hạt, BQLDA trông rừng
<i>d. Nhiệm vụ cụ thể, giải pháp chi tiết cho công việc đến cuối năm theo chương trình công tác (lưu ý phải tổng hợp công việc của cả 2 tỉnh trước/sau họp nhất) (10 phút)</i>	Lãnh đạo Chi cục
5. Tổng hợp, phân tích, giải đáp các ý kiến/nội dung (05 phút)	Chi cục trưởng
6. Phát biểu chỉ đạo của Lãnh đạo Sở	PGĐ Trần Bảo Sơn
7. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo	Chi cục trưởng
8. Kết thúc cuộc họp.	

Số: /BC-CCKL

Đồng Tháp, ngày tháng 7 năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2025 và
Kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm 2025**

Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2025, như sau:

I. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025

1. Quản lý, bảo vệ rừng

- Diện tích đất có rừng trên địa bàn Tỉnh là 8.006,60 ha; phân bố trên địa bàn các huyện như: Tam Nông, Tân Hồng, Tháp Mười, Cao Lãnh (tỉnh Đồng Tháp cũ), Tân Phước, Tân Phú Đông, Gò Công Đông (tỉnh Tiền Giang cũ).

- Lực lượng Kiểm lâm thường xuyên phối hợp với các đơn vị quản lý rừng tổ chức tuần tra, bảo vệ rừng nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi xâm nhập rừng khai thác trái phép tài nguyên rừng.

- Phối hợp Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (Công an Tỉnh) và địa phương tổ chức kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) tại các đơn vị quản lý rừng với 42 lượt. Qua kiểm tra, các đơn vị quản lý rừng trên địa bàn đều triển khai thực hiện Phương án PCCCR, kiện toàn tổ chức, Ban chỉ huy, tổ (đội) PCCCR cơ sở, thành lập tổ (đội) PCCCR chuyên trách, bán chuyên trách; thực hiện tốt chế độ trực PCCCR tại các trạm chốt, đài quan sát PCCCR và các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy cao; tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng trang thiết bị chữa cháy, thường xuyên vận hành máy chữa cháy định kỳ, nhiên liệu dự phòng phục vụ PCCCR được đảm bảo; bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ và có kế hoạch PCCCR sẵn sàng ứng phó theo phương châm bốn tại chỗ.

- Tình hình cháy rừng: Từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 03 tổng diện tích cháy 3,94 (trong đó: cháy dưới tán rừng 2,37 ha; cháy cỏ, lau sậy 1,57 ha). Giảm 6 vụ so với cùng kỳ năm 2024, diện tích cháy giảm 10,77 ha.

- Phối hợp với các ngành, chính quyền địa phương và Vườn quốc gia Tràm Chim giám sát, kiểm tra việc đốt cỏ chủ động tại Vườn quốc gia Tràm Chim theo kế hoạch.

- Tổ chức 25 lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo vệ động vật hoang dã với 1.215 lượt người tham dự, hoàn thành 100 % kế hoạch

- Phối hợp tuần tra, kiểm tra chuyên đề về bảo tồn động vật hoang dã, chim

hoang dã, di cư tại khu vực vành đai rừng tràm Gáo Giồng. Tháo dỡ, thu gom 18.000 m câu trời, 2.650 m lưới tàng hình và nhiều dụng cụ bẫy bắt chim hoang dã.

2. Sử dụng và phát triển rừng

- Khai thác rừng trồng: 156,17 ha (trên địa bàn huyện Tháp Mười, Tân Phước). Đạt 104 % kế hoạch đề ra.

- Trồng lại rừng sau khai thác là 24,48 ha (trên địa bàn huyện Tháp Mười). Đạt 24,5 % so với kế hoạch.

- Trồng cây phân tán: Triển khai 446.369¹ cây giống (gồm: Cẩm lai, Giáng hương, Bằng lăng, Ô môi, Phượng, Sưa, Sao đen, Dầu rái, Gõ đỏ, Xà cừ,...) bàn giao cho các huyện để tổ chức phát động “Tết trồng cây” vào dịp kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ ngày 19 tháng 5. Tỷ lệ cây trồng sống bình quân: đạt 95%.

3. Quản lý lâm sản

- Thực hiện quản lý theo quy định đối với 702 cơ sở, hộ gia đình đăng ký nuôi động vật rừng và 358 cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ và sản phẩm mộc hoàn chỉnh.

- Xác nhận bằng kê lâm sản 374 hồ sơ xuất trong nước và xuất khẩu (trong đó: xuất khẩu 10.871 tấm da Cá sấu nước ngọt sang Trung Quốc, Nga, Chilê); cấp mới 97 mã số cơ sở nuôi động vật rừng nhóm IIB.

- Tiếp nhận 36 cá thể động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; động vật hoang dã nguy cấp do người dân tự nguyện giao nộp, Gồm: 02 cá thể Khi đuôi lợn, 24 cá thể Rùa rừng, 01 cá thể Trăn đất, 01 cá thể Kỳ đà hoa, 04 cá thể Rùa đất lớn, 02 cá thể Rùa ba gờ, 02 cá thể Rùa cổ sọc. Thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao cho các cơ sở bảo tồn theo quy định.

4. Chi trả dịch vụ môi trường rừng

Thực hiện Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) tỉnh Đồng Tháp (theo Quyết định số 466/QĐ-UBND-HC ngày 14/4/2020), ký kết và thực hiện 138 hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng (gồm: 53 cơ sở sản xuất công nghiệp và 85 cơ sở cung ứng nước sạch). Tiếp nhận tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 là 2.629 triệu đồng, đạt 50,67% kế hoạch dự kiến.

Đã thực hiện chi trả tiền DVMTR năm 2024 cho bên cung ứng DVMTR là 6.769 triệu đồng, trong đó: Chi cho chủ rừng là tổ chức 5.789 triệu đồng; Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân là 183 triệu đồng (xã Trường Xuân 47 hộ, xã Hưng Thạnh 20 hộ); Tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng khu rừng phòng hộ Bắc Tháp Mười 797 triệu đồng. Hoàn thành 100% việc chi trả trong Quý II/2025.

5. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

¹ Trong đó: Cây xanh phân tán được trồng tại Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” là 19.041 cây; theo Kế hoạch số 292/KH-UBND (Đề án 1 tỷ cây xanh) là 254.878 cây; trồng hàng năm là 172.450 cây.

Từ đầu năm đến nay, tiếp nhận 10 vụ và ra 10 quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp với 10 đối tượng; với tổng số tiền xử phạt, thu nộp ngân sách Nhà nước là 12.625.000 đồng.

6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm được giao (bao gồm tình hình thực hiện chương trình, đề án, dự án...)

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

7. Kết quả thực hiện công tác tổ chức bộ máy, đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức

a) Công tác tổ chức bộ máy

- Thực hiện chế độ cho 02 công chức xin thôi việc theo nguyện vọng (hưởng hưu trí theo quy định); 01 công chức được xét duyệt nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP và lập thủ tục gửi BHXH hưởng chế độ nghỉ hưu theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP.

- Lập thủ tục trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét chuyển đổi vị trí công tác đối với 04 công chức trong năm 2025.

- Cập nhật phần mềm quản lý hồ sơ công chức, viên chức và mã định danh theo quy định.

- Ban hành quyết định phân bổ biên chế công chức năm 2025 đối với các phòng chuyên môn và đơn vị thuộc Chi cục.

- Rà soát, đăng ký 08 công chức nghỉ hưu hưởng chế độ theo thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2024/NĐ-CP).

- Đăng ký tham gia thi đua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2025 theo Kế hoạch số 198/CCKL-HCTH ngày 26/02/2025.

- Đánh giá công chức, viên chức và người lao động thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP.

- Đăng ký tỷ lệ, lộ trình giảm biên chế, số lượng biên chế hành chính giao cho các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Điều động 01 công chức trong đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với 03 công chức, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 02 công chức, nâng phụ cấp thâm niên nghề 06 công chức và nâng bậc lương trước thời hạn đối 02 công chức và 01 viên chức (06 tháng)

- Lập quy trình đề nghị bổ nhiệm lại 01 công chức giữ chức vụ Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện Tam Nông - Tân Hồng.

- Báo cáo kết quả: Triển khai nhiệm vụ trọng tâm về công tác trẻ em trong 06 tháng đầu năm 2025; Sơ kết 5 năm thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp giai đoạn 2021 – 2025; Kết quả thực

hiện dân chủ ở cơ sở 06 tháng đầu năm 2025; Báo cáo sơ kết, đánh giá Luật Thi đua, khen thưởng; Kết quả thực hiện công tác gia đình 06 tháng đầu năm 2025.

- Tổng kết thực hiện 25 năm thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2001 - 2025, định hướng đến năm 2030. Báo cáo kết quả thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động, Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2020 – 2025.

- Rà soát, cung cấp, báo cáo số liệu, thông tin phục vụ xây dựng các Đề án khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Rà soát chế độ chính sách về lương theo định kỳ của từng công chức, viên chức trong đơn vị, trình lãnh đạo Chi cục xem xét đủ điều kiện lập thủ tục trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định.

- Đối chiếu định kỳ hàng tháng về công tác BHXH khi có biến động công chức trong đơn vị về chế độ chính sách.

b) Công tác đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức

Chi cục cử 06 công chức tham gia tập huấn nghiệp vụ về công tác tổ chức; 01 công chức tham gia bồi dưỡng quản trị tài sản công tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; bồi dưỡng chuyên viên chính và tương đương có 06 công chức; quản lý cấp phòng 01 công chức; có 03 công chức tham gia lớp trung cấp chính trị.

II. Đánh giá chung

1. Những mặt tích cực đạt được

Công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng giữa các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương và các đơn vị chủ rừng được tổ chức chặt chẽ, thường xuyên, phát huy hiệu quả. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ rừng và trồng cây xanh, trồng rừng của cộng đồng. Số vụ cháy rừng và diện tích cháy giảm so với cùng kỳ năm 2024.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Diện tích rừng ở vùng đất trũng, phèn nặng, ngập nước sâu vào mùa lũ, không phù hợp trồng cây lâm nghiệp có thân gỗ lớn, giá trị kinh tế cao. Hiện cây tràm là loài cây trồng rừng chủ yếu, có thân gỗ nhỏ, giá trị kinh tế không cao, sản phẩm chính từ rừng là củ tràm chủ yếu được sử dụng làm củ, cọc trong xây dựng dân dụng, gia cố công trình bảo vệ sản xuất. Thị trường tiêu thụ sản phẩm chính từ rừng tràm thiếu ổn định ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của cư dân làm nghề rừng.

Các khu vực rừng ngập mặn ven biển với các loài cây bần chua, mắm, đước đôi, phi lao, dừa lá, chà là,... Cây rừng có giá trị kinh tế thấp nên khó khăn trong việc nâng cao đời sống cho người dân làm nghề rừng cũng như đóng góp cho sự tăng trưởng chung của tỉnh.

Rừng phòng hộ ven biển trước tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến công tác bảo vệ và phát triển rừng. Tình trạng xâm thực, mất rừng phòng hộ vẫn còn. Tốc độ bồi lắng ven biển rất chậm, không ổn định và thường xuyên bị tác động của sóng, thủy triều,... dẫn đến diện tích đất trống quy hoạch trồng rừng hiện còn ngập sâu, điều kiện trồng rừng ven biển rất khó khăn.

Sau sáp nhập tỉnh, địa bàn quản lý rộng, các khu vực rừng phân tán, biên chế ít nên gặp một số khó khăn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ: bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, quản lý cơ sở gây nuôi động vật rừng và kinh doanh chế biến gỗ, sản phẩm mộc hoàn chỉnh. Đặc biệt, Ban Quản lý dự án trồng rừng hiện chỉ có 5 biên chế nhưng thực hiện luôn cả nhiệm vụ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh toàn tỉnh.

III. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2025

1. Mục tiêu

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên rừng, từng bước nâng cao chất lượng, giá trị rừng trồng; phát huy chức năng phòng hộ của rừng, chống sạt lở, bảo vệ công trình hạ tầng, bảo vệ môi trường sinh thái.

Thực hiện tốt công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng phòng hộ ven biển cho các đối tượng quản lý (996,2 ha/năm).

Trồng rừng và trồng rừng thay thế trên diện tích đất chưa có rừng có khả năng trồng rừng, trong đó chú trọng đến công tác trồng rừng phòng hộ ven biển; thực hiện trồng cây phân tán dọc các bờ kênh, trường học, đường giao thông nông thôn,... góp phần cải thiện và ổn định môi trường sinh thái, tạo cảnh quan, bóng mát, gia tăng độ che phủ của rừng.

Giảm thiểu đến mức thấp nhất các vụ vi phạm về bảo vệ, phát triển rừng và quản lý lâm sản, phòng cháy chữa cháy rừng.

2. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

a) Nhiệm vụ

- Theo dõi, cập nhật diễn biến rừng; điều tra rừng theo quy định.
- Phối hợp với các ngành liên quan tăng cường công tác bảo vệ rừng, PCCCR, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.
- Tham mưu triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phối hợp trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2025 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường và Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam.
- Trồng lại rừng sau khai thác: 75,52 ha.
- Trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, với diện tích 2,91 ha.

- Tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng 02 dự án trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã nghiệm thu hoàn thành vào năm 2024 (Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 và dự án Tổng kho dầu khí Soài Rạp Nam Sông Hậu-Petro), với diện tích là 55 ha.

- Quản lý theo quy định của Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ và cơ sở đăng ký nuôi động vật rừng. Tổ chức kiểm tra định kỳ các cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ và cơ sở đăng ký nuôi động vật rừng theo kế hoạch².

- Tiếp tục tham mưu triển khai Hệ thống camera giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng, mất rừng; thực hiện theo nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững được giao trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

- Tiếp tục triển khai Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện: (1) Xây dựng, trình ban hành khung giá rừng phòng hộ; (2) Tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Tổ chức 01 đợt kiểm tra công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.

- Tham mưu Sở phê duyệt Kế hoạch kiểm tra cơ sở gây nuôi động vật rừng và cơ sở kinh doanh chế biến gỗ, sản phẩm mộc hoàn chỉnh trên địa bàn tỉnh năm 2026.

b) Giải pháp

- Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ thông tin vào quản lý, theo dõi diễn biến rừng, dự báo phòng chống cháy rừng.

- Tăng cường phối hợp với các ngành liên quan, các chủ rừng trong thực hiện công tác bảo vệ rừng, PCCCR, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác bảo vệ rừng, PCCCR; đồng thời vận động tổ chức, cá nhân, cộng đồng tích cực tham gia trồng cây, trồng rừng, bảo vệ rừng.

- Phối hợp với địa phương, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng và triển khai kế hoạch trồng cây xanh trên địa bàn Tỉnh.

- Rà soát bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng, ký kết hợp đồng ủy thác, tiếp nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và xây dựng kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

- Trồng mới rừng phòng hộ ven biển nhằm góp phần hạn chế tác động của biến đổi khí hậu gây ra.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác theo quy định.

² Kế hoạch số 1272/KH-CCKL ngày 22/11/2024 của Chi cục Kiểm lâm về việc kiểm tra định kỳ cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản và cơ sở gây nuôi động vật rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2025.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Kiến nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét bố trí giao biên chế công chức, viên chức cho Chi cục Kiểm lâm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và địa bàn tỉnh mới để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cụ thể: Hạt Kiểm lâm khu vực 3 bố trí 05 công chức, đề xuất thêm 01 biên chế công chức; Ban Quản lý dự án trồng rừng hiện có 5 viên chức, đề xuất thêm 04 biên chế viên chức để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp mới.

- Trụ sở chính của Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm khu vực 2 (dự kiến đặt tại địa bàn huyện Cái Bè/Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cũ) và Hạt Kiểm lâm khu vực 3 (dự kiến đặt tại địa bàn huyện Gò Công Tây/Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cũ) chưa được bố trí. Kính đề nghị Sở thống nhất chủ trương để Chi cục tìm địa điểm thích hợp và đề xuất Sở trình cơ quan cấp có thẩm quyền bố trí.

Chi cục Kiểm lâm kính báo Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

(Đính kèm:

- *Các Phụ lục chỉ tiêu, nhiệm vụ năm; chương trình, dự án năm 2025;*
- *Phụ lục tình hình tổ chức và biên chế của Chi cục Kiểm lâm sau sắp xếp;*
- *Phụ lục báo cáo tóm tắt tài sản công do Chi cục đang quản lý;*
- *Phụ lục nội dung thu chi dịch vụ môi trường rừng).*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- PGĐ Trần Bảo Sơn: để báo cáo;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phụ lục 2
Phân công tham mưu triển khai thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ trong tâm ngành thuộc lĩnh vực phụ trách
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCKL ngày tháng năm 2025 của Chi cục Kiểm lâm)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện <i>(hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp thẩm quyền theo quy định)</i>	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
1	Tham mưu tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng hiện có, sử dụng hợp lý, phát triển bền vững tài nguyên rừng, chú trọng công tác phát triển rừng sản xuất theo hướng chất lượng cao (trồng rừng trên liếp). Thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và hoàn thành chỉ tiêu giá trị sản xuất lâm nghiệp tương đương so thực hiện năm 2024, tương ứng đạt trên 468 tỷ đồng (quý I đạt 106 tỷ đồng, quý II đạt 148 tỷ đồng, quý III đạt 134 tỷ đồng và quý IV đạt trên 80 tỷ đồng); Chỉ tiêu Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 1,6%; Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận đạt 50%	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thành phố	Theo chế độ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Báo cáo	- Khai thác rừng trồng: 156,17 ha (trên địa bàn huyện Tháp Mười, Tân Phước). Đạt 137 % kế hoạch đề ra. - Trồng lại rừng sau khai thác là 24,48 ha (trên địa bàn huyện Tháp Mười), đạt 24,5 % so với kế hoạch. - Trồng cây phân tán: Trồng cây phân tán: Triển khai 446.369 cây giống (gồm: Cẩm lai, Giáng hương, Bằng lăng, Ô môi, Phượng, Sưa, Sao đen, Dầu rái, Gõ đỏ, Xà cừ,...) bàn giao cho các huyện để tổ chức phát động “Tết trồng cây” vào dịp kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ ngày 19 tháng 5. Tỷ lệ cây trồng sống bình quân: đạt 95%. - Tình hình cháy rừng: Từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 03 vụ cháy rừng, tổng diện tích cháy 3,94 ha (trong đó: cháy dưới tán rừng 2,37 ha; cháy cỏ, lau sậy 1,57 ha). Giám 6 vụ so với cùng kỳ năm 2024, diện tích cháy giảm 10,77 ha.
2	Tham mưu Công bố hiện trạng rừng tỉnh Đồng Tháp năm 2024	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thành phố	30/04/2025	Quyết định	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (cũ) ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND-HC ngày 19/02/2025 công bố hiện trạng rừng tỉnh Đồng Tháp năm 2024; Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (cũ) ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 07/02/2025 công bố hiện trạng rừng tỉnh Tiền Giang năm 2024;
3	Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện hoàn thành Kế hoạch thực hiện Chương trình phối hợp trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2025	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thành phố	30/11/2025	Báo cáo	Tham mưu kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Chương trình phối hợp với Công ty cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2025 (dự kiến trồng 122.906 cây xanh, kinh phí 2.170.133.000 đồng). Văn bản trình: Số 471/CCKL-HCTH ngày 23/5/2025
4	Tham mưu xây dựng, tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá kết quả Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thành phố	Theo chế độ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Báo cáo	Thực hiện Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) tỉnh Đồng Tháp (theo Quyết định số 466/QĐ-UBND-HC ngày 14/4/2020), ký kết và thực hiện 138 hợp đồng uỷ thác chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng (gồm: 53 cơ sở sản xuất công nghiệp và 85 cơ sở cung ứng nước sạch). Tiếp nhận tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 là 2.629 triệu đồng, đạt 50,67% kế hoạch dự kiến. Đã thực hiện chi trả tiền DVMTR năm 2024 cho bên cung ứng DVMTR là 6.769 triệu đồng, trong đó: Chi cho chủ rừng là tổ chức 5.789 triệu đồng; Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân là 183 triệu đồng (xã Trường Xuân 47 hộ, xã Hưng Thạnh 20 hộ); Tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng khu rừng phòng hộ Bắc Tháp Mười 797 triệu đồng. Hoàn thành 100% việc chi trả trong Quý II/2025.
5	Tham mưu xây dựng, tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá kết quả Kế hoạch kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2025; Kế hoạch trực phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2025	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thành phố	Theo chế độ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Báo cáo	- Phối hợp Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (Công an Tỉnh) tổ chức kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) tại các đơn vị quản lý rừng. Qua kiểm tra, các đơn vị quản lý rừng trên địa bàn đều triển khai thực hiện Phương án PCCCR, kiện toàn tổ chức, Ban chỉ huy, tổ (đội) PCCCR cơ sở, thành lập tổ (đội) PCCCR chuyên trách, bán chuyên trách; thực hiện tốt chế độ trực PCCCR tại các trạm chốt, đài quan sát PCCCR và các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy cao; tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng trang thiết bị chữa cháy, thường xuyên vận hành máy chữa cháy định kỳ, nhiên liệu dự phòng phục vụ PCCCR được đảm bảo; bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ và có kế hoạch PCCCR sẵn sàng ứng phó theo phương châm bốn tại chỗ. Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức 34 lượt kiểm tra công tác PCCCR đối với 10 đơn vị chủ rừng trên địa bàn Tỉnh - Phân công trực PCCCR 24/24 giờ tại Chi cục và 02 Hạt Kiểm lâm liên huyện.

6	Tham mưu triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Lâm nghiệp hoàn thành trong tháng 12/2025)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thành phố	20 ngày sau khi Thủ tướng ký ban hành	Kế hoạch	Đến thời điểm hiện tại, Chính phủ chưa ban hành Nghị định về chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng áp dụng rộng rãi trong cả nước; nội dung này, Chính phủ chỉ mới thí điểm tại 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ đối với rừng tự nhiên (Nghị định số 107/2022/NĐ-CP)
7	Tham mưu triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030 (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Lâm nghiệp hoàn thành trong tháng 12/2025)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thành phố	20 ngày sau khi Thủ tướng ký ban hành	Kế hoạch	Đến thời điểm hiện tại, Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026 - 2030
8	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề cương dự toán Khung giá rừng phòng hộ thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị, địa phương liên quan	Tháng 01/2025		Quyết định 182/QĐ-UBND ngày 07/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
9	Triển khai thực hiện trồng rừng thay thế các dự án do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (lập kế hoạch, hồ sơ, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng...)	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị, địa phương liên quan	Tháng 02/2025		Hiện đang chờ Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Quyết định chỉ định thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật để thực hiện bước tiếp theo (Tờ trình số 138, 139, 140, 141/TTr-CCTL&LN ngày 20/5/2025).
10	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ()	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị, địa phương liên quan	Tháng 5/2025		Tiếp tục thực hiện tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (Nghị quyết này đã thực hiện và trình vào kỳ họp giữa năm 2025, tuy nhiên do thời gian sắp nhập tỉnh, UBND tỉnh Tiền Giang cũ đã trình HĐND rút Nghị quyết và dự kiến sẽ trình lại vào kỳ họp cuối năm 2025).
11	Kiểm tra cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ và cơ sở đăng ký nuôi động vật rừng trên địa bàn tỉnh	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị, địa phương liên quan	Tháng 7/2025		Đang thực hiện
12	Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định Khung giá rừng phòng hộ thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị, địa phương liên quan	Tháng 7/2025		Hiện tại, đơn vị tư vấn đang thực hiện đánh giá hồ sơ dự thầu
13	Trình UBND tỉnh công bố kết quả điều tra, xác định hiện trạng rừng	Chi cục Kiểm lâm	Các phòng, đơn vị, địa phương liên quan	Tháng 10/2025		(tỉnh Tiền Giang cũ) Hiện tại, đơn vị tư vấn đang thực hiện đánh giá hồ sơ dự thầu

Phụ lục 3
Tình hình thực hiện chương trình, dự án
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCKL ngày tháng năm 2025 của Chi cục Kiểm lâm)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Tình hình thực hiện
1	Triển khai Hệ thống camera giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng, mất rừng; thực hiện theo nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững được giao trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2025	Chi cục Kiểm lâm	Các Sở, ngành và Vườn Quốc gia Tràm Chim	Năm 2025	- Ủy ban nhân dân Tỉnh đã phân khai vốn; hiện đang chờ ban hành Quyết định cơ cấu, bộ máy tổ chức của Sở và Chi cục Kiểm lâm để có căn cứ tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện các bước tiếp theo
2	Điều tra rừng	Chi cục Kiểm lâm		Năm 2025	- (Tỉnh Đồng Tháp cũ) Đã trình đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí, UBND Tỉnh chưa phê duyệt (CCKL đã tham mưu văn bản báo cáo đề xuất UBND Tỉnh xem xét sau khi hoàn sắp xếp tổ chức bộ máy sẽ tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện) - (Tỉnh Tiền Giang cũ) Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đã phê duyệt đề cương điều tra rừng

PHỤ LỤC 4: CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2025

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM				KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM			
				KẾ HOẠCH	SO VỚI UTH NĂM 2024	SO VỚI KH 2024	KẾ HOẠCH 6 THÁNG	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH KẾ HOẠCH 6 THÁNG	SO SÁNH CÙNG KỲ	KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM	SO SÁNH CÙNG KỲ	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	SO SÁNH KẾ HOẠCH NĂM
	A	B	1	2	3	4=2/1								
IV	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN													
4	Lâm nghiệp													
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	ha	200	100	50,00%	100,00%	0	24,48			75,52		100	100

Ghi chú: (*) Số liệu chưa đánh giá, dự kiến được.

Phụ lục

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của Chi cục Kiểm lâm

1. Khái quát tình hình chung

Chi cục Kiểm lâm đang quản lý, sử dụng 04 loại tài sản bao gồm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (nhà, đất); phương tiện vận tải khác ngoài xe ô tô; máy móc, thiết bị; tài sản cố định hữu hình khác.

Tài sản thuộc phạm vi quản lý của Chi cục được giao cho các đơn vị (Lãnh đạo Chi cục, Phòng, Đội, Hạt, Ban) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

2. Một số loại tài sản chủ yếu phục vụ hoạt động thường xuyên

Một số loại tài sản chủ yếu phục vụ hoạt động thường xuyên của Chi cục bao gồm:

STT	Tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	- Trụ sở Chi cục: Diện tích 1475 m ² tại địa chỉ: Số 18A, Nguyễn Văn Bảnh, phường Cao Lãnh (Phường 1, thành phố Cao Lãnh cũ); - Trụ sở Hạt Kiểm lâm liên huyện Tam Nông - Tân Hồng (được giao trụ sở không giao đất): Diện tích 596,7 m ² tại địa chỉ Khóm 4, xã Tràm Chim (thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông cũ).	Nhà làm việc	2	
2	Xe bán tải: - Xe Ford Ranger biển số 66A-004.60, đưa vào sử dụng năm 2020; - Xe Toyota HILUX 2.5 E biển số 66A-00020, đưa vào sử dụng năm 2012.	Chiếc	2	
3	Xe máy	Chiếc	22	
4	Máy vi tính	Cái (bộ)	39	17 xách tay; 22 để bàn

STT	Tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	Máy in	Cái	13	
6	Máy Scan	Cái	03	
7	Máy chiếu	Cái	03	
8	Máy tính bảng	Cái	03	01 Ipad; 02 Sam sung
9	Flaycam	Cái	02	Gồm 01 trạm sạc
10	Bàn làm việc (để máy tính)	Cái	40	
11	Tủ hồ sơ	Cái	26	

3. Thuận lợi, khó khăn

- Thuận lợi: Tài sản giao, điều chuyển đến các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Chi cục quản lý, sử dụng đúng quy định, mục đích; không gây lãng phí, thất thoát.

- Khó khăn: Đến thời điểm hiện tại, xe máy và máy tính phục vụ công tác phần lớn đã cũ, một số thường xuyên hư hỏng gây tốn kém kinh phí cho việc sửa chữa, bảo trì, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thường xuyên.

4. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị cấp thẩm quyền bổ sung dự toán kinh phí mua sắm 05 máy tính và 01 máy in. Do dự toán năm 2025 được Sở Nông nghiệp và PTNT trước đây giao; Sở Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh, cắt giảm.

Phụ lục
CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY NHÂN SỰ CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM sau sáp nhập

10/07/2025								
Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dự kiến Chức vụ	Mã ngạch hiện tại	Trình độ hiện nay		
						Chuyên môn	Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước
A	CÔNG CHỨC							
I	Lãnh đạo Chi cục							
1	Phan Văn Khải Minh	31/05/1971	Nam	Chi cục trưởng	01.002	Kỹ sư Quản lý đất đai; Ths. Khoa học đất.	Cao cấp	CVC
2	Nguyễn Tấn Thành	10/05/1966	Nam	Phó Chi cục trưởng	10.226	Cử nhân Luật; Ths. Lý luận, Lịch sử nhà nước và Pháp luật	Cao cấp	KLVC
3	Nguyễn Phước Thành	01/10/1986	Nam	Phó Chi cục trưởng	10.226	KS. Công nghệ sinh học; Ths. Lâm học	Cao cấp	KLVC
II	Phòng Hành chính - Tổng hợp							
4	Nguyễn Thanh Nhã	03/04/1990	Nam	Trưởng phòng thuộc Chi cục	10.226	Cử nhân Luật; Kỹ sư Khoa học Môi trường	Trung cấp	CVC và TD
5	Mai Phước Sang	08/07/1988	Nam	Phó trưởng phòng	06.031	Cử nhân Kế toán Ths. Quản lý Kinh tế; Cử nhân Luật	Đang học TC chính trị	KTV
6	Trần Thị Nguyên	07/5/1989	Nữ	Kế toán	01.003	Cử Kế toán; Cử nhân Luật	Trung cấp	CV
7	Nguyễn Thị Thủy	24/10/1974	Nữ	Chuyên viên	01.003	Cử nhân Luật		CV, KLV
8	Nguyễn Hoàng	27/02/1984	Nam	Chuyên viên	01.003	Lưu trữ và QTVP; Cử nhân Luật	Trung cấp	CV
III	Phòng Quản lý, Phát triển và Sử dụng rừng							
9	Dương Thu Thảo	31/12/1993	Nữ	Trưởng phòng thuộc Chi cục	10.226	Kỹ sư Lâm nghiệp	Đang học TC chính trị	CVC và TD
10	Trần Thị Phụng	22/09/1999	Nữ	Kiểm lâm viên	10.226	Cử nhân Luật		CV và TD
11	Nguyễn Văn Phúc	25/10/1990	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Cử nhân Luật; Kỹ sư Khoa học môi trường		CV và TD
12	Phan Ngọc Như Minh	04/09/1977	Nữ	Kiểm lâm viên	01,003	Kỹ sư Lâm nghiệp		CVC
13	Trần Văn Tuấn	22/01/1980	Nam	Kiểm lâm viên	01,003	Cử nhân Luật		CVC
14	Nguyễn Thượng Vũ	17/07/1977	Nam	Kiểm lâm viên	01,003	Bác sĩ Thú y		CV
IV	Hạt Kiểm lâm khu vực 1							
15	Nguyễn Văn Thành	24/04/1973	Nam	Hạt trưởng	10.226	Cử nhân Luật	Trung cấp	CVC và TD
16	Nguyễn Khánh Huy	16/02/1969	Nam	Phó Hạt trưởng	10.226	Cử nhân Luật	Đang học TC chính trị	KLV
17	Lê Phước Hải	01/9/1989	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Cử nhân Luật	Trung cấp	KLV
18	Trương Công Định	30/12/1977	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Cử nhân Luật		KLV
19	Lê Nguyễn Hải Đăng	23/07/1997	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Cử nhân Luật Kinh tế		CV và TD
20	Nguyễn Thanh Nam	26/03/1996	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Kỹ sư Lâm nghiệp		KLV
21	Nguyễn Văn Hải	10/4/1977	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng	Trung cấp	KLV
22	Lê Thành Được	09/09/1984	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Cử nhân Luật		KLV
V	Hạt Kiểm lâm khu vực 2							

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dự kiến Chức vụ	Mã ngạch hiện tại	Trình độ hiện nay		
						Chuyên môn	Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước
23	Nguyễn Văn Khích	10/10/1973	Nam	Hạt trưởng trực thuộc Chi cục	10.226	Kỹ sư Lâm nghiệp	Trung cấp	CVC
24	Trương Thanh Hải	07/10/1972	Nam	Phó Hạt trưởng trực thuộc Chi cục	10.226	Kỹ sư Lâm nghiệp	Trung cấp	KLV
25	Đoàn Diễm Phương	22/12/1991	Nữ	Kiểm lâm viên	10.226	Cử nhân Luật; Kỹ sư Khoa học môi trường		KLV
26	Huỳnh Văn Lực	13/04/1972	Nam	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Cử nhân Luật		CV và TĐ
27	Võ Chí Nguyên	01/01/1985	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Kỹ sư Lâm sinh		CV và TĐ
28	Lê Thị Hồng Nhung	16/8/1984	Nữ	Kiểm lâm viên	10.226	Cử nhân Luật		KLV
VI	Hạt Kiểm lâm khu vực 3							
29	Nguyễn Phú Cường	19/03/1973	Nam	Hạt trưởng trực thuộc Chi cục	10.225	Cử nhân Luật	Cao cấp	KLVC
30	Võ Hữu Tài	03/12/1974	Nam	Phó Hạt trưởng trực thuộc Chi cục	10.226	Cử nhân Luật	Trung cấp	KLV
31	Dương Hùng Minh	19/8/1972	Nam	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Cử nhân Luật		KLV
32	Nguyễn Xuân Hạnh	16/12/1980	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Kỹ sư Lâm nghiệp		KLV
33	Lưu Văn Tâm	07/11/1985	Nam	Kiểm lâm viên	10.226	Kỹ sư Lâm nghiệp		KLV
B	VIỆN CHỨC							
	Ban Quản lý dự án trồng rừng							
1	Võ Thị Hồng Trâm	09/04/1994	Nữ	Chuyên viên Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	01.003	Cử nhân Luật; Kỹ sư Khoa học môi trường		CV
2	Nguyễn Bạch Đài Trang	20/8/1991	Nữ	Chuyên viên Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	01.003	Ths. Quản lý tài nguyên và Môi trường; Cử nhân Luật; Kỹ sư Công nghệ và quản lý Môi trường		CV
3	Đặng Thanh Phong	09/07/1981	Nam	Chuyên viên Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	01.003	Cử nhân Kinh tế Luật		CV
4	Nguyễn Thị Chơn	05/08/1999	Nữ	Chuyên viên Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	01.003	Cử nhân Luật		CV
5	Trần Nguyễn Hướng Dương	06/07/1995	Nữ	Cán sự (kế toán)	01.004	Cao đẳng Kế toán doanh nghiệp		
C	NGƯỜI LAO ĐỘNG							
1	Hồ Minh Đức	20/12/1987	Nam	Nhân viên Lái xe				

Số: /BC-BQLDA

Đồng Tháp, ngày tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025

Ban Quản lý dự án trồng rừng Tỉnh lập Kế hoạch thu, chi tiền DVMTR năm 2025 tại Kế hoạch số 90/KH-BQLDA ngày 28/3/2025 được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt tại Công văn số 183/UBND-KTN ngày 12/5/2025 như sau:

I. KẾ HOẠCH THU

Kế hoạch thu tiền DVMTR năm 2025 dự kiến là 5.188.458.849 đồng, trong đó:

- Nguồn thu DVMTR năm 2025 là 4.988.414.771 đồng:

+ Thu từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam dự kiến điều phối theo Công văn số 339/VNFF-BĐH là 1.368.917.699 đồng.

+ Thu nội tỉnh là 3.619.497.072 đồng, gồm:

(1) Cơ sở sản xuất công nghiệp (52 cơ sở): 387.708.200 đồng;

(2) Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch (90 cơ sở): 3.231.788.872 đồng.

- Nguồn kinh phí dự phòng, chưa sử dụng, chuyển sang là 200.044.078 đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí dự phòng năm 2024 chưa sử dụng, chuyển sang (Trích lập theo Kế hoạch thu, chi năm 2024 được phê duyệt tại Công văn số 370/UBND-KT ngày 10/6/2024 của UBND Tỉnh): 191.493.050 đồng.

+ Nguồn kinh phí dự phòng năm 2023 chưa sử dụng, chuyển sang (Trích lập theo nguồn thực thu được trong kỳ năm 2023, tăng so với Kế hoạch thu, chi năm 2023 đã được phê duyệt tại Công văn số 148/UBND-KT ngày 14/02/2023 của UBND Tỉnh): 8.551.028 đồng.

II. KẾ HOẠCH CHI

1. Phân bổ nguồn thu DVMTR do Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam điều phối

a) Lưu vực Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Cần Thơ

Theo Quyết định số 124/QĐ-BNN-TCLN, lưu vực cung ứng DVMTR cho Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Cần Thơ gồm diện tích rừng trên địa bàn huyện Tam Nông và huyện Tân Hồng. Các chủ rừng gồm: Ban Quản lý Vườn quốc gia Tràm Chim; Đoàn Kinh tế quốc phòng 959 (Rừng phòng hộ biên giới Dinh Bà); Công ty TNHH Hùng Cá (Chủ quản lý rừng thuộc Dự án

Hồ rừng); Ban Quản lý Nghĩa trang Liệt sỹ Tỉnh (Rừng tràm tại xã Phú Thọ, Tam Nông). Tổng diện tích rừng trong lưu vực là 2.681,33 ha, quy đổi theo hệ số K là 2.669,67 ha.

Tổng nguồn thu dự kiến là 430.539.432 đồng, phân bổ như sau:

- Chi quản lý (5%): 20.317.580 đồng (nguồn thu dự kiến trong năm 2025);
- Chi dự phòng (5%): 20.317.580 đồng (nguồn thu dự kiến trong năm 2025);
- Chi trả cho bên cung ứng DVMTR: 389.904.272 đồng (90% nguồn thu DVMTR năm 2025: 365.716.445 đồng; nguồn kinh phí dự phòng năm 2023, 2024 chưa sử dụng, chuyển sang: 24.187.827 đồng).

Số tiền chi trả cho 01 ha rừng là 146.050 đồng/ha (Số tiền chi trả cho bên cung ứng DVMTR/diện tích rừng cung ứng DVMTR quy đổi theo hệ số K).

b) Lưu vực Nhà máy nước Cần Thơ 1, Cần Thơ 2, Hưng Phú, Bông Vang

Thực hiện Quyết định số 186/QĐ-BNN-LN, lưu vực cung ứng DVMTR cho các nhà máy nhà máy trên bao gồm toàn bộ diện tích rừng của các chủ rừng trên địa bàn Tỉnh. Tổng diện tích rừng trong lưu vực là 5.654,71 ha, quy đổi theo hệ số K là 5.401,08 ha.

Tổng nguồn thu dự kiến là 962.566.094 đồng, phân bổ như sau:

- Chi quản lý (5%): 48.128.305 đồng (nguồn thu dự kiến trong năm 2025);
- Chi dự phòng (5%): 48.128.305 đồng (nguồn thu dự kiến trong năm 2025);
- Chi trả cho bên cung ứng DVMTR (90%): 866.309.484 đồng.

Số tiền chi trả cho 01 ha rừng là 160.396 đồng/ha.

2. Phân bổ nguồn thu DVMTR nội tỉnh

Theo Quyết định số 466/QĐ-UBND-HC, lưu vực cung ứng DVMTR gồm toàn bộ diện tích rừng của các chủ rừng trên địa bàn Tỉnh. Tổng diện tích rừng trong lưu vực là 5.654,71 ha, quy đổi theo hệ số K là 5.401,08 ha.

Tổng nguồn thu dự kiến là 3.795.353.323 đồng, phân bổ như sau:

- Chi quản lý (5%): 180.974.854 đồng (nguồn thu dự kiến trong năm 2025);
- Trích dự phòng (5%): 180.974.854 đồng (nguồn thu dự kiến trong năm 2025);
- Chi trả cho bên cung ứng DVMTR: 3.433.403.615 đồng (90% nguồn thu DVMTR năm 2025: 3.257.547.364 đồng; nguồn kinh phí dự phòng năm 2023, 2024 chưa sử dụng, chuyển sang: 175.856.251 đồng).

Số tiền chi trả cho 01 ha rừng là 635.688 đồng/ha.

3. Tổng số tiền chi trả cho bên cung ứng DVMTR năm 2025

- Tổng số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2025 là 4.689.617.371 đồng, bao gồm:

+ Chủ rừng là tổ chức: 3.880.167.122 đồng;

- + Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân: 217.633.443 đồng;
- + Tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng (Phòng Nông nghiệp và PTNN huyện Tháp Mười): 591.816.806 đồng.
- Thời gian chi trả: Trước ngày 01/6/2026.
- Hình thức chi trả:
 - + Đối với chủ rừng là tổ chức, Ban Quản lý dự án trồng rừng tỉnh chuyển trực tiếp vào tài khoản của đơn vị.
 - + Đối chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, Ban Quản lý dự án trồng rừng Tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức chi trả trực tiếp đến từng hộ, cá nhân.

III. KẾT QUẢ THU TIỀN DVMTR 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Tổng số hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR với bên sử dụng DVMTR đang thực hiện là 138 hợp đồng, trong đó: Cơ sở sản xuất công nghiệp là 53 hợp đồng và cơ sở sản xuất, cung ứng nước sạch là 85 hợp đồng.

Tổng số tiền ủy thác chi trả DVMTR tính đến hết tháng 6 năm 2025 đã tiếp nhận được là 2.629.031 nghìn đồng, đạt 50,67% so với kế hoạch thu DVMTR năm 2025.

Kính gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT, BQLDA.

CHI CỤC TRƯỞNG